



zá shì
杂事

noun · miscellaneous chores, trivial matters

Example Sentences

tā měi tiān chǔ lǐ hěn duō zá shì
他每天处理很多杂事。

He handles many trivial matters every day.

zhè xiē zá shì zhàn yòng le tā dà bù fēn shí jiān
这些杂事占用了她大部分时间。

These miscellaneous chores take up most of her time.

Trace each character, then write the word on your own.

杂	杂	杂	杂	杂	杂	杂	杂	杂		
事	事	事	事	事	事	事	事	事	事	事